

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2020

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hiệp
2. Ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 29/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXX-ST ngày 25/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐHPT-TA ngày 13/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1979

Đều có địa chỉ cư trú: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị N và anh Đ đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, hai bên chung sống với nhau nhưng không

có sự tin tưởng và cũng không bảo ban được nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Mặt khác, anh Đ còn là người mãi chơi bời, lơ, đê; cờ bạc dẫn đến vay nợ làm kinh tế gia đình sa sút. Do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên chị N đã bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, còn anh Đ vẫn sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Minh Thành, xã Lai Vu, hai bên ly thân kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay cắt đứt hoàn toàn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về phía anh Đ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Đ đến Tòa án là việc, nhưng anh không đến.

Tại biên bản lấy lời khai của mẹ anh Đ là Bà Tăng Thị S cũng xác định vợ chồng chị N anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng gia đình bà. Trong quá trình chung sống cùng nhau chị N và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Hơn thế anh Đ là người mãi chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến gia đình vợ con, vay nợ nhiều làm kinh tế gia đình sa sút. Đến tháng 7/2020, mâu thuẫn hai bên trầm trọng nên chị N đã bỏ ra ngoài thuê nhà sinh sống.

Các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào hòa giải; giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và Quyết định hoãn phiên tòa đã được Tòa án giao cho bà Sen là mẹ đẻ anh Đ để bà giao lại cho anh, anh đều đã biết và đã được nhận nhưng anh Đ không đến và không có quan điểm về việc chị N xin ly hôn anh.

- *Về quan hệ con chung*: Chị N xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Bùi Thị Thiên P, sinh ngày 24/02/2007, Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 04/12/2011 và Bùi Văn P, sinh ngày 29/01/2014. Nay quan điểm của chị N xin được nuôi cháu P1 và cháu L, để anh Đ được nuôi cháu P, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện tại chị đang làm công việc bán hàng tại chợ với mức thu nhập 6.000.000đồng/tháng.

Anh Đ vắng mặt trong các buổi làm việc nên không có quan điểm về con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Đ vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án nên không có quan điểm.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Đ, xin được nuôi con và

không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Bùi Văn Đ. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao các cháu cháu Bùi Thị Thiên P, sinh ngày 24/02/2007, Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 04/12/2011 cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Bùi Văn P, sinh ngày 29/01/2014 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu P1, Loan và Phú đều trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Anh Bùi Văn Đ được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn Đ kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị N thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ là do hai bên hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, anh Đ là người mãi chơi bời, cờ bạc dẫn đến vay nợ làm kinh tế gia đình sa sút, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Anh Đ vắng mặt trong các buổi làm việc không có quan điểm cụ thể về việc chị N xin ly hôn anh, tuy nhiên việc anh Đ vắng mặt là do anh cố tình không đến, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho mẹ anh Đ là bà Tăng Thị S, bà Sen đã thông báo và giao lại cho anh, anh biết việc chị N ly hôn nhưng anh vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc. Căn cứ vào lời khai của mẹ anh Đ

và biên bản xác minh tại UBND xã đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ là do anh Đ mãi chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con, từ cờ bạc dẫn đến anh Đ phải vay nợ làm kinh tế gia đình sa sút. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Bùi Văn Đ là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của chị N thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các cháu Bùi Thị Thiên P và Bùi Thị Thanh N thì các cháu đều có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ. Chị N xin nuôi con và có thu nhập, nơi ở ổn định, anh Đ cố tình không đến Tòa án và cũng không có quan điểm về việc nuôi con. Mặt khác, cháu P1 và cháu L vẫn do chị N trực tiếp nuôi và chăm sóc từ khi ly thân cho đến nay, còn cháu Bùi Văn P đang do anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cuộc sống ổn định của con chung nên cần giao các cháu Bùi Thị Thiên P và Bùi Thị Thanh N cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Bùi Văn P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả ba con chung đều trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau này anh Đ có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết. Anh Đ vắng mặt, sau này nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị N có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N, cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao các cháu Bùi Thị Thiên P, sinh ngày 24/02/2007, Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 04/12/2011 cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Bùi Văn P, sinh ngày 29/01/2014 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu P1, L và P đều trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001527 ngày 22 tháng 7 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị N, anh Đ. Báo cho chị N, anh Đ biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích